

Xây dựng và phát triển mô hình đặc khu kinh tế - một số kinh nghiệm đối với Việt Nam

HOÀNG XUÂN HÒA

1- Xu hướng xây dựng và phát triển các đặc khu kinh tế ở một số nước đang phát triển trong khu vực Châu Á

Thực tiễn hiện nay, trong bối cảnh tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, thì việc phát triển các đặc khu kinh tế (ĐKKT) vẫn được quan tâm, thành lập và phát triển khắp nơi như: Trung Quốc, Ấn Độ, Malaixia, Indônêxia, Xingapo, Philippin, Liên bang Nga và một số nước khác, nhưng thành công nhất có lẽ là của Trung Quốc. Ở Trung Quốc, từ 4 khu thí điểm ban đầu ở ven biển phía Đông thì đến nay đã có 54 khu kinh tế mở cấp quốc gia và hàng nghìn khu kinh tế mở cấp tỉnh và địa phương khác. Tính đến năm 2006, các khu kinh tế này đã thu hút 23% tổng vốn đầu tư nước ngoài, 47,3% (khoảng 178,7 tỷ USD) giá trị các dự án công nghiệp, khoảng 12,6 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm công nghệ cao đóng góp cho cả nước. GDP chỉ tính riêng 4 khu (Chu Hải, Thâm Quyến, Sán Đầu, Hạ Môn với 5.500 km², tương đương với diện tích của Quảng Ninh và Quảng Ngãi) đã đạt 78,7 tỷ USD (gấp 1,4 lần GDP của nước ta năm 2005), chiếm khoảng 7% GDP của toàn đất nước Trung Quốc.

Ấn Độ - nền kinh tế mới nổi, năng động của Châu Á hiện nay đã có kế hoạch thành lập các ĐKKT, mô hình giống như ở Trung Quốc, để thúc đẩy xuất khẩu và tăng sức cạnh tranh của nền công nghiệp nước này trên phạm vi toàn cầu. Từ năm 2005, luật về việc thành lập các ĐKKT đã được Quốc hội thông qua. Theo luật này, những dự án được thực hiện trong các đặc khu sẽ được

hưởng đãi ngộ về thuế, có cơ chế tính thuế và hệ thống quản lý đặc biệt. Các nhà đầu tư sẽ được giảm thuế trong vòng 15 năm đối với các dự án được thực hiện trong các ĐKKT trên toàn lãnh thổ Ấn Độ. Nhiều ĐKKT sẽ có sân bay, hải cảng và ga tàu riêng để đảm bảo các dự án sẽ không bị ảnh hưởng bởi hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém của đất nước. Một trở ngại đối với các nhà đầu tư vào ĐKKT là hệ thống pháp lý phức tạp của Ấn Độ. Ở nước này, việc giải quyết các tranh chấp kinh tế thường mất rất nhiều thời gian, có những vụ đã kéo dài tới hàng chục năm. Trước thực trạng này, Chính phủ Ấn Độ dự định thành lập một cơ quan pháp lý duy nhất chịu trách nhiệm điều tra và xét xử các tranh chấp trong các ĐKKT để đảm bảo rằng việc điều tra và xét xử sẽ được tiến hành nhanh chóng. Ngoài ra, một hệ thống các cơ quan thẩm định dự án cũng được thiết lập nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các ĐKKT. Các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ tin rằng công thức ĐKKT tương tự như Trung Quốc sẽ làm tăng tốc độ phát triển kinh tế của nước này. Tháng 4-2007, Chính phủ Ấn Độ đã dỡ bỏ lệnh tạm dừng việc trưng dụng đất đai nhằm thành lập các ĐKKT¹. Việc cho phép thành lập thêm các ĐKKT như vậy "sẽ đẩy nhanh các hoạt động kinh tế cho tăng cường

Hoàng Xuân Hoà, TS, Văn phòng Trung ương Đảng.

1. Lệnh cấm tạm thời này mới được áp chế vào tháng 1-2007 sau khi có các cuộc biểu tình lan rộng của nông dân phản đối, vì cho rằng họ không được đền bù thỏa đáng cho ruộng đất bị trưng thu làm các ĐKKT.

sản xuất và xuất khẩu, làm cho thương mại tăng lên, mở đường khuyến khích công nghiệp hóa và tăng nền tảng kinh tế cho Ấn Độ". Với những chủ trương như vậy, Chính phủ Ấn Độ sẽ trao giấy phép cho 83 ĐKKT, 162 khu vực tương tự đã được phép sơ bộ cũng được xem xét trong năm 2007 và Chính phủ cũng đang xét tới 140 khu vực mới khác nữa.

Ngày 25-6-2007, Indônêxia và Xingapo đã ký một Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế thành lập các ĐKKT trên 3 đảo Batam, Binta và Karimum của Indônêxia, gần với Xingapo nhằm mục đích đem lại sự hấp dẫn đầu tư mới của các đảo trên vốn đã bị suy giảm trong những năm gần đây do sự cạnh tranh ngày càng tăng trong khu vực. Lãnh đạo của hai nước tin tưởng sự thành công của các ĐKKT sẽ tạo ra những kết quả cùng có lợi cho cả hai nước. Nó sẽ kết hợp các sức mạnh bổ sung của Indônêxia và Xingapo thành một khối có tính cạnh tranh và hấp dẫn các nhà đầu tư. Tổng thống Indônêxia cho rằng hiệp định khung nhấn mạnh sự hợp tác trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính và ngân hàng, thuế quan giữa hai nước để tạo ra một môi trường đầu tư tốt hơn tại các ĐKKT. Ngoài ra, Indônêxia cũng đã thành lập một ĐKKT trên đảo Riau nằm giữa Xingapo và Indônêxia nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế trong khu vực Tam giác phát triển Indônêxia, Malaixia và Xingapo². Tại ĐKKT này, gần 1.000 công ty của 3 nước láng giềng và các nước khác đã đầu tư hoạt động trong các lĩnh vực chế tạo, thương mại, ngân hàng và kinh doanh khách sạn, du lịch. Chính phủ Indônêxia cũng đã khai trương thử nghiệm trang web mang tên "Cửa sổ chung quốc gia" (NSW) tại Batam trên đảo Riau nhằm liên kết thông tin và hoạt động giữa các doanh nghiệp với khoảng 20 cơ quan chính phủ phụ trách việc cấp phép thương mại. Các doanh nghiệp có thể làm các thủ tục xuất, nhập khẩu và giấy phép hoạt động trực tuyến, rút ngắn thời gian cho các doanh nghiệp, giảm chi phí sản xuất, hạn chế tệ nạn quan liêu và hối lộ.

Để không bị tụt lại trong cuộc cạnh tranh phát triển với các nước láng giềng, Malaixia đã khẩn trương triển khai dự án phát triển "ĐKKT Nam Johor Bahru" thuộc Malaixia, khu vực rộng lớn ven biển giáp với Xingapo, có diện tích 2.217 km², quy mô lớn gấp khoảng 2,5 lần Xingapo. Đây là dự án phát triển đô thị lớn nhất ở Đông Nam Á. Johor sẽ có các cơ sở chế tạo, kinh doanh, nghỉ dưỡng và một trung tâm tài chính Hồi giáo, các cơ sở sản xuất nhiên liệu sinh học và các trung tâm giáo dục. ĐKKT này hướng tới mục tiêu thúc đẩy kinh tế bang Johor tăng trưởng trung bình 7%/năm trong vòng 20 năm tới và tạo ra 800.000 việc làm. Thủ tướng Malaixia cho rằng Bang Johor sẽ trở thành một Hồng Công thứ hai, đủ sức cạnh tranh với các trung tâm kinh tế ở Dubai (Các Tiểu vương quốc Ảrập thống nhất), Thâm Quyến (Trung Quốc) và bangalore (Ấn Độ). Hiện nay, Chính phủ Malaixia đang tìm kiếm khoản đầu tư 105 tỷ USD trong vòng 20 năm tới để phát triển kinh tế bang Johor. Khi dự án phát triển ĐKKT ở bang Johor đi vào hoạt động sẽ tăng nguồn lao động hai chiều và tạo thêm không gian hoạt động cho các nhà đầu tư nước ngoài, vì lợi ích chung của hai nước. Dự án này đã đạt được sự thỏa thuận của một nhóm tư vấn gồm năm thành viên, trong đó có người giàu nhất khu vực Đông Nam Á là tỷ phú Robert Kuok. Đang thực hiện mục tiêu thu hút khoảng 50 tỷ Ringgit (14,29 tỷ USD) cho ĐKKT Nam Johor trong giai đoạn đầu 5 năm tới, cơ quan đầu tư Chính phủ đang hướng tới thu hút 105 tỷ USD trong 20 năm. Cuối tháng 2-2007, hai công ty lớn trong lĩnh vực du lịch là Amanresorts Limited và Tune Hotels đã ký thỏa thuận xây dựng khu nghỉ mát cao cấp, các khu dân cư, trung tâm hậu cần, trung tâm y tế và công viên giải trí, dự kiến hoàn thành vào

2. Từ tháng 6-2006, ba nước Indônêxia, Malaixia và Xingapo đã có kế hoạch thành lập một Tam giác kinh tế phát triển trong các lĩnh vực công nghiệp, hoạt động thương mại, thu hút đầu tư và du lịch.

năm 2009 tại ĐKKT này. Ngoài ra, cơ quan đầu tư chính phủ cho biết cũng đã nhận được những bản ghi nhớ chi tiết bày tỏ sự quan tâm đối với vốn đầu tư khoảng 10 tỷ Ringgit (2,85 tỷ USD) từ các nhà đầu tư Trung Đông và Châu Á - Thái Bình Dương vào ĐKKT này.

Trong xu hướng tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, các nước khác trong khối ASEAN cũng đang nỗ lực xây dựng và phát triển các ĐKKT như: Philippin đã hình thành một số ĐKKT như John Hay, Poro Point v Clark từ năm 2005 để thu hút các dự án đầu tư lớn với các hoạt động chính là phát triển công nghiệp và công nghệ cao. Campuchia sẽ mở thêm hai ĐKKT ở thủ đô Phnôm Pênh và tỉnh Takeo vào cuối năm 2007, nâng tổng số ĐKKT ở nước này lên 9 ĐKKT. ĐKKT ở ngoại vi Phnôm Pênh sẽ được xây dựng trên diện tích 353ha dành cho các hoạt động may mặc quần áo, giày dép và hàng điện tử. Hiện Công ty xuất nhập khẩu Attwood của Campuchia đã lên kế hoạch đầu tư 60 triệu USD vào đây. Ở đặc khu Takeo rộng 57 ha, Công ty phát triển Doung Chhiv sẽ đầu tư 70 triệu USD vào các nhà máy chế biến nông sản. Các ĐKKT ở Campuchia đều được miễn thuế nguyên vật liệu thô và đơn giản hóa mọi loại thủ tục hành chính. Campuchia đã xây dựng ĐKKT đầu tiên mang tên Menhatthen, tại tỉnh Svay Rieng, giáp biên giới với Việt Nam, vốn đầu tư hơn 30 triệu USD, tạo việc làm cho 15.000 lao động. Cơ sở hạ tầng được xây dựng hoàn chỉnh như: đường giao thông, nhà máy điện, hệ thống ngân hàng, bưu điện, khách sạn, cơ sở y tế và trung tâm đào tạo việc làm. Giá trị xuất khẩu hàng năm của ĐKKT này đạt hơn 300 triệu USD. Hiện nay, Chính phủ Lào đang lập kế hoạch xây dựng ĐKKT ở khu vực biên giới Savannakhet - Seno.

2- Một số vấn đề rút ra đối với Việt Nam trong xây dựng và phát triển đặc khu kinh tế hiện nay

Nhiều nước học tập kinh nghiệm của Trung Quốc, nhưng không nước nào có được

cửa ngõ thương mại Hồng Kông như Trung Quốc. Nếu đơn thuần sao chép mô hình ĐKKT Trung Quốc sẽ không có hiệu quả. Thêm vào đó, xu hướng FDI hiện nay đang chuyển sang mua lại và sáp nhập. Việc bãi bỏ các quy định hạn ngạch, giảm dần thuế quan cũng như những ưu đãi theo cam kết gia nhập WTO sẽ ngày càng không khuyến khích các nhà xuất khẩu đầu tư vào các ĐKKT, trừ khi các khu này tốt hơn các khu thuế quan trong nước xét về các yếu tố kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ. Thành tựu của ĐKKT là điều không còn nghi ngờ, phương thức xây dựng và vận hành đã cơ bản được khẳng định. Nó không chỉ có tác dụng cung cấp luận chứng cho việc lý giải hướng đi đúng, hiệu quả, mà còn hơn thế, nó giúp cho chúng ta có thể chất lọc những kinh nghiệm sát thực, có giá trị trong quá trình thực hiện mục tiêu đổi mới, mở cửa hội nhập. Các yếu tố thời đại khi Trung Quốc xây dựng các ĐKKT vào những năm 1980 khác nhiều so với hiện nay; tuy vậy, nền kinh tế nước ta có nhiều điểm tương đồng về mục tiêu, hướng đi, về điều kiện địa lý, văn hóa, xã hội; Việt Nam chắc chắn sẽ tìm thấy những kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho phát triển ĐKKT của Việt Nam. Đó là:

2.1- Dự báo, đánh giá đúng tình hình trong nước, bối cảnh thế giới, tận dụng triệt để thời cơ và thống nhất trong nhận thức

Trong giai đoạn cuối những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỷ XX, bối cảnh kinh tế quốc tế và nội bộ Trung Quốc có những thay đổi thuận lợi cho việc lập ĐKKT ở Trung Quốc. Về thời cơ trong nước, Trung Quốc bắt đầu có những cải cách do nền kinh tế bị khép kín trong thời gian dài nên nhu cầu thu hút vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm quản lý nước ngoài trở nên bức bách, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt về thu hút đầu tư trong khu vực và thế giới. Sau nữa, các hình thức khu kinh tế tự do cổ điển (khu công nghiệp, khu chế xuất...) tỏ ra không mấy thuyết phục và

không đủ tầm để có thể thử nghiệm chính sách, nên ban lãnh đạo Trung Quốc đã quyết định phải tìm cho được mô hình riêng của họ và ĐKKT ngày nay chính là sản phẩm của cuộc tìm kiếm mô hình lúc đó. Sau cùng, Trung Quốc với 1,2 tỷ dân trở thành một thị trường đầy tiềm năng cho đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh các thời cơ trong nước, thời cơ quốc tế cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành quyết định xây dựng ĐKKT. Vào thời điểm đó, thế giới đang đứng trước một thực tế là các nước công nghiệp phát triển đang có nhu cầu chuyển giao công nghệ và kỹ thuật thuộc trình độ trung bình và cận tiên tiến sang các nước đang và chậm phát triển. Đồng thời, các nền kinh tế công nghiệp sau nhiều năm phát triển, đất đai đã trở nên chật hẹp, họ cũng đã dần mất đi những lợi thế so sánh về giá đất, chi phí tiền lương và các yếu tố đầu vào khác, vì vậy đòi hỏi các tổ hợp kinh tế lớn phải tìm kiếm những nơi có lợi thế hơn để đầu tư, kinh doanh. Trung Quốc lại có lợi thế là gần Hồng Kông, Đài Loan và Ma Cao đều là những trung tâm tài chính và công nghiệp thế giới; và đặc biệt Trung Quốc có 57 triệu người Hoa ở nước ngoài đang có nhu cầu đầu tư về nước. Với vị thế như vậy, ban lãnh đạo Trung Quốc đã sớm nhận ra để tận dụng triệt để thời cơ và quyết định lập ĐKKT. Đây là quyết sách kịp thời, đúng đắn.

Tuy vậy, trong giai đoạn đầu thực hiện đường lối cải cách mở cửa, xây dựng các ĐKKT, trong nội bộ lãnh đạo Trung Quốc và trong dư luận cũng có nhiều quan điểm với những cuộc tranh cãi gay gắt. Nhiều câu hỏi được đặt ra, đây là thành công hay thất bại? ở Thâm Quyển, ngoài lá cờ đỏ 5 sao không có gì là chủ nghĩa xã hội? Cuối cùng, với sự quyết tâm cao, kiên trì thực hiện, nhất trí cao trong nhận thức của lãnh đạo các cấp, các ngành, với vai trò và uy tín của ông Đặng Tiểu Bình, cùng với kết quả đạt được của các ĐKKT và cho đến nay thực tế đã chứng minh ĐKKT là mô hình phát triển kinh tế thích hợp.

Từ kinh nghiệm này có thể thấy, việc xây dựng ĐKKT là cuộc tìm tòi thực thi nhiều chính sách, cơ chế mới, nhiều vấn đề còn chưa rõ về lý luận cũng như thực tiễn, để phát sinh những tác động tiêu cực chưa dự báo được. Do đó, đòi hỏi phải có sự quyết tâm cao, thống nhất trong nhận thức để đạt được mục tiêu đề ra.

2.2- Xác định rõ chức năng cơ bản của đặc khu kinh tế

Thành công của Trung Quốc chính là ở chỗ đã thực hiện bước đi đầu tiên là mở cửa vùng ven biển - nơi hội tụ đủ các yếu tố giao lưu với bên ngoài, trong đó xây dựng ĐKKT được coi là bước đột phá đầu tiên. Quan trọng hơn, Trung Quốc đã xác định rõ chức năng chính của ĐKKT là vừa "cửa sổ" thu hút vốn, công nghệ, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, vừa là "cầu nối" giữa các vùng kinh tế nội địa với thế giới trong hoạt động kinh tế thương mại. Bên cạnh đó, ĐKKT còn có nhiệm vụ giúp đỡ, hỗ trợ, lôi kéo các vùng kinh tế kém phát triển hơn cùng tiến bộ. Việc xác định rõ được chức năng và vai trò của ĐKKT giúp các nhà lãnh đạo Trung Quốc định ra những chính sách, biện pháp xây dựng, vận hành đặc khu một cách đúng đắn và hiệu quả. Đây là mối quan hệ hết sức biện chứng, khoa học, cũng chính là nguyên nhân tạo nên thành công của các ĐKKT Trung Quốc. Trong điều kiện và nhu cầu xây dựng, phát triển kinh tế hiện nay ở Việt Nam, mô hình ĐKKT hay khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất đều phải thực hiện đúng chức năng cơ bản là tranh thủ tối đa nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Đó là yếu tố quan trọng để khắc phục, cải thiện tình trạng thiếu vốn và công nghệ tiên tiến, một khó khăn lớn, hết sức nan giải đối với Việt Nam hiện nay.

2.3- Khung pháp lý rõ ràng, dễ thực hiện, thể chế quản lý linh hoạt, bộ máy gọn nhẹ, hiệu lực quản lý cao và hệ thống chính sách ưu đãi hiệu quả

Các quy định áp dụng cho đặc khu tương đối rõ ràng và dễ thực hiện. Quyết định của

Ủy ban Thường vụ gồm 25 điều ngắn gọn chủ yếu điều chỉnh hoạt động của các nhà đầu tư, kinh doanh nước ngoài. Để phát huy đầy đủ và mạnh mẽ vai trò của ĐKKT, Trung Quốc đã mạnh dạn cải cách và thực hiện một hệ thống thể chế mới, khác biệt với thể chế truyền thống: *chính quyền và các xí nghiệp trong đặc khu được trao quyền tự chủ lớn hơn trong việc hoạch định chương trình, kế hoạch phát triển và vận hành khu vực kinh tế của mình*. Trung Quốc không thực hiện cơ chế phân quyền, không bao quyền đã phân ở cấp phân quyền và không tản quyền ở cùng một cấp. Ở cấp Trung ương có Văn phòng quản lý đặc khu thuộc Quốc vụ viện thành lập năm 1984, tháng 3-1998 sáp nhập với Văn phòng cải cách thể chế thành Ủy ban cải cách thể chế kinh tế nhà nước do Thủ tướng Chu Dung Cơ kiêm Chủ nhiệm Ủy ban. Văn phòng quản lý đặc khu tuy đã sáp nhập nhưng vẫn thực hiện chức năng quản lý như: xây dựng chính sách, chiến lược phát triển đặc khu và các khu tương tự; tham gia xây dựng chính sách, luật pháp đầu tư nước ngoài và phối hợp với các cơ quan liên quan tư vấn cho Quốc vụ viện giải quyết những vấn đề thuộc về chính sách trong quá trình thực hiện phát sinh; tổ chức thông tin, vận động đầu tư và một số nhiệm vụ khác của Đảng và Quốc vụ viện giao. Văn phòng quản lý đặc khu không làm nhiệm vụ quản lý đã giao cho cơ quan quản lý cấp dưới.

Như vậy, Văn phòng ĐKKT là cơ quan quản lý nhà nước về ĐKKT, các vùng kinh tế mở, các khu khai phát và các khu kinh tế mật dịch của khẩu có một bộ máy tương đối hoàn chỉnh thực hiện các chức năng quản lý kinh tế. Chính quyền đặc khu thực hiện hầu hết chức năng quản lý nhà nước trong điều hành công việc hàng ngày: cấp phép đầu tư, quyền sử dụng đất (hai khâu này cấp cùng một lúc); tiêu thụ sản phẩm vào nội địa; lương, hình thức trả lương, tiền thưởng, bảo hiểm lao động... Để thực hiện đầu tư kinh doanh ở đặc khu cũng như các khu tương tự, các doanh nghiệp chỉ cần liên hệ "một cửa, một dấu và tại chỗ". Đối với một số công việc

chuyên môn như hải quan, thuế vụ, công an... các cơ quan chuyên ngành cử đại diện của mình bên cạnh cơ quan quản lý giải quyết trực tiếp tại chỗ công việc. Cơ chế tự chủ là yếu tố quan trọng, tạo điều kiện cho đặc khu phát huy tối đa tính sáng tạo, linh hoạt và chủ động, đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài.

Song song với việc thực hiện cơ chế quản lý và hoạt động mới, Trung Quốc còn áp dụng hệ thống chính sách ưu đãi đặc biệt đối với đặc khu, nhất là trong lĩnh vực thuế, tài chính và đầu tư xây dựng cơ bản. Những chính sách đó vừa giúp các đơn vị kinh tế trong ĐKKT giảm bớt khó khăn về tài chính, vừa tạo sức hấp dẫn và điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đến đầu tư ở ĐKKT. Thực tế xây dựng đất nước ở Trung Quốc đã chứng minh, khi chuyển từ thể chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, Việt Nam có thể tham khảo những kinh nghiệm quan trọng, đó là cách thức tổ chức, thực hiện những cải tổ về thể chế và việc thực thi hệ thống chính sách đã được hoạch định, đồng thời cần có một bộ máy quản lý gọn nhẹ và tinh nhuệ. Nếu không làm tốt khâu quản lý, vận hành các hoạt động của ĐKKT thì chính cơ chế mới, nhất là cơ chế tự chủ và những chính sách ưu đãi sẽ trở thành miếng đất tốt cho nạn tham nhũng, lộng quyền hoành hành. Hệ quả tất yếu là suy giảm về kinh tế, bất ổn về xã hội, gây hậu quả xấu đến quá trình phát triển đặc khu kinh tế.

2.4- Lựa chọn loại hình kinh tế phù hợp với mục tiêu xây dựng đặc khu kinh tế

Trước hết cần khẳng định, mô hình bao trùm toàn bộ ĐKKT Trung Quốc là mô hình hướng ngoại, mục tiêu là mở cửa thị trường quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài. Điểm chú ý ở đây là Trung Quốc chủ trương xây dựng loại hình kinh tế tổng hợp tại các ĐKKT, bao gồm các ngành nông nghiệp, dịch vụ, du lịch.

Xuất phát từ điều kiện, hoàn cảnh và mục tiêu phát triển kinh tế thời kỳ đầu mở cửa. Trung Quốc muốn lựa chọn một số vùng có điều kiện thuận lợi, thực hiện cơ chế quản lý và hệ thống chính sách đặc biệt, nhằm phát huy tối đa ưu thế vùng này trên mọi lĩnh vực, mọi ngành, mọi nghề. Cách đi hiệu quả của Trung Quốc là xây dựng các ĐKKT thành khu vực đa ngành nghề, tích cực thu hút đầu tư nước ngoài, trở thành nhân tố nòng cốt trong toàn bộ nền kinh tế của đất nước. Tại các ĐKKT, Trung Quốc đã lựa chọn mô hình phát triển kinh tế tổng hợp, kết hợp cân đối giữa các ngành nghề, trong đó mỗi đặc khu đều nhằm vào một hoặc vài ngành nghề trọng điểm, dựa trên ưu thế riêng của mình. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng thành công của các ĐKKT Trung Quốc, cũng là điều đáng lưu tâm tham khảo. Tuy nhiên, cần lựa chọn những ngành nghề có giá trị kinh tế và khả năng tìm kiếm, mở rộng thị trường quốc tế. Về lâu dài cần tính đến hài hòa cân đối, tính trọng điểm của các ngành nghề, không phải chỉ riêng trong khu kinh tế đặc biệt, quyết định đến bước đi và thành quả phát triển của một khu vực, một quốc gia.

2.5- Chọn địa điểm thích hợp để xây dựng đặc khu kinh tế

Lựa chọn địa điểm xây dựng các ĐKKT là ý tưởng sáng suốt và chính xác của các nhà lãnh đạo Trung Quốc, cũng là một trong những nhân tố hết sức cơ bản góp phần vào thành công của các ĐKKT. Việt Nam có lợi thế về địa kinh tế mà ít nước trên thế giới có được với bờ biển chạy suốt chiều dài đất nước, khoảng cách giữa các vùng kinh tế nhỏ hơn nhiều so với Trung Quốc, nhiều cảng nước sâu, gần với lãnh hải quốc tế, nằm trong trung tâm của vùng tăng trưởng cao. Việt Nam có khá nhiều lợi thế xây dựng các mô hình tương tự như ĐKKT. Đó là những lợi thế vô cùng to lớn, mà Trung Quốc với những lợi thế tương tự cũng đã khai thác từ năm 1978 với việc thành lập 5 ĐKKT và mở cửa 14 tỉnh ven biển... Các khu vực này sẽ dễ dàng phát huy vai trò "cầu nối", có

điều kiện hỗ trợ, tạo động lực lôi kéo mạnh hơn đối với các vùng kinh tế khác. Ngược lại, các vùng kinh tế bên ngoài cũng dễ dàng bổ sung nguồn lực cần thiết, góp phần nâng cao thế mạnh của đặc khu, nhất là Việt Nam có mạng lưới giao thông đường thủy khá rộng lớn và thuận tiện.

2.6- Đa dạng hóa hình thức huy động vốn phát triển hạ tầng

Muốn thu hút mạnh đầu tư nước ngoài thì phải có kết cấu hạ tầng kỹ thuật tốt, theo cách nói của chúng ta là cần có vốn đối ứng. Riêng đặc khu Thâm Quyến có các hạ tầng, cấp điện 2000 MW (lớn hơn thủy điện Hoà Bình của nước ta 1992 MW), có 8 cảng trong đó có 26 cầu cảng có thể tiếp nhận tàu 10.000 tấn, có sân bay riêng, 44 nhà máy nước với tổng công suất cấp nước hàng năm là 800 triệu m³/năm, hàng ngày cấp 2,68 triệu tấn nước... Với số lượng và chất lượng hạ tầng như vậy phải có số vốn đầu tư hàng chục tỷ USD để thực hiện "5 thông (điện, nước, giao thông, ga, môi trường) và một bằng (mặt bằng công nghiệp đã được giải phóng và san lấp)". Vậy thì làm thế nào để có vốn phát triển hạ tầng? Kinh nghiệm từ Thâm Quyến cho thấy, lúc khởi đầu Đặc khu Thâm Quyến được vay vốn ưu đãi của nhà nước 30 triệu NDT (khoảng 6 triệu USD) để phát triển hạ tầng, còn lại đặc khu phải "mượn gà đẻ trứng" để thực hiện chính sách của Trung ương "cho chính sách không cho tiền". Đó là chính sách cho chính quyền ĐKKT được giữ lại tiền thuê đất (Trung Quốc gọi là tiền bán quyền sử dụng đất có thời hạn); giữ tiền thu ngân sách 10 năm đầu, tức là đến năm 1989 để phát triển hạ tầng. Ngoài các hình thức huy động vốn như ở nước ta: vay ngân hàng, hợp tác với nước ngoài dưới nhiều hình thức chủ yếu là BOT, thuê mua, phát hành trái phiếu. Trung Quốc còn cho các doanh nghiệp đăng ký tại thị trường chứng khoán phát hành cổ phiếu. Người nông dân có quyền được góp vốn bằng giá trị hoa lợi và tài sản của họ trên mặt đất để hưởng cổ tức của doanh nghiệp mà họ góp vốn, thay vì theo cách làm thông thường thì

người nông dân nhận tiền đền bù, Trung Quốc gọi là chính sách "nuôi gà đẻ trứng, không ăn thịt gà".

Với những hình thức huy động vốn đầu tư đa dạng và linh hoạt đã góp phần quan trọng tạo nên thành công trong chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của các ĐKKT ở Trung Quốc. Trong giai đoạn đầu, ĐKKT Thâm Quyển đã huy động được 450 triệu USD cho đầu tư cơ sở hạ tầng, ĐKKT Châu Hải đầu tư 167 triệu NDT vào khu công nghiệp, khu chế xuất Long Hồ, ĐKKT Hạ Môn đầu tư vào cơ sở hạ tầng khoảng 1.640 triệu NDT và đầu tư vào khu gia công Hồ Lý 270 triệu NDT.

2.7- Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút đầu tư nước ngoài

Luận điểm của Trung Quốc đơn giản là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đặt trên đất Trung Quốc sớm hay muộn là của Trung Quốc. Trong thu hút đầu tư nước ngoài họ lấy lợi ích cơ bản và lâu dài làm trọng, không "tham một đĩa mà bỏ cả mâm". Chính vì vậy mà các chính sách ưu đãi về tài chính rất rộng rãi, quản lý thông thoáng, hạ tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế, nhằm tạo sức hút lớn đối với đầu tư nước ngoài. Đa dạng hoá các hình thức thu hút đầu tư nước ngoài. Ngoài các hình thức thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) như của nước ta: hợp doanh, liên doanh, 100% vốn nước ngoài, Trung Quốc còn có thêm các hình thức liên danh cùng khai thác, thương mại bù trừ, gia công lắp ráp, thuê mua, chuyển giao kỹ thuật, vay vốn, mua trái phiếu cổ phiếu và gửi tiền vào ngân hàng Trung Quốc. Qua các tài liệu chính thức của Trung Quốc thì đầu tư nước ngoài qua các đặc khu chiếm tới 90% tổng vốn đầu tư toàn bộ các doanh nghiệp hoạt động tại đặc khu. Ngay tại khu Phố Đông Thượng Hải là nơi được coi bức tranh tập trung đầu tư của các ngành và các tỉnh của Trung Quốc, nhưng vốn đầu tư trong nước chỉ bằng 8% (2/24 tỷ USD, trong đó

vốn FDI là 15 tỷ USD) so với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đầu tư nước ngoài thì vốn FDI chiếm khoảng 70%. Về đối tác đầu tư, đối tác số 1 là Hồng Kông sau đó là Nhật Bản, Mỹ. Có rất nhiều công ty xuyên quốc gia đăng ký tại Hồng Kông đầu tư vào Trung Quốc. 42 công ty đứng hàng đầu thế giới có dự án đầu tư tại khu khai phát Quảng Châu, điển hình như: P&G, Owens Corning Fiberglass, Pepsi, ICI, Schering Pharmaceutical, Schneider Swier Electrical Equipment, ABB, Marubeni, BHP, Nippon Stell. Như vậy, đối tác đầu tư vào Trung Quốc có thể thấy rằng chủ yếu là các nước công nghiệp phát triển Nhật, Tây Âu, Mỹ, Canada, Úc, không phải chỉ Hồng Kông, Hoa kiều như các phương tiện thông tin đại chúng đã nêu, nếu thống kê nhà đầu tư có nguồn gốc của công ty mẹ. Đây là thông tin quan trọng đối với chúng ta trong việc phân tích bối cảnh thu hút đầu tư nước ngoài và việc tìm kiếm đối tác phục vụ việc hình thành và phát triển mô hình ĐKKT tại Việt Nam.

Từ những phân tích trên đây, có thể khẳng định Trung Quốc đã có nhiều thành công trong xây dựng ĐKKT. Hơn 25 năm cải cách và mở cửa, các ĐKKT đã góp phần rất lớn và hết sức quan trọng trên mọi lãnh vực, đặc biệt là kinh tế, thương mại. Sau một thời gian dài trải nghiệm, dường như tất cả những kinh nghiệm đáng học tập từ những thành công của mô hình ĐKKT Trung Quốc mọi người đều đã biết. Ở một số quốc gia cho rằng, họ đang có một con đường tắt hoặc ít nhất là một hướng đi nhanh để đưa quốc gia đó bắt vào đường ray phát triển cao tốc tới giàu sang bằng cách tạo ra những khu kinh tế đặc biệt thu hút vốn đầu tư nước ngoài và tại đây được áp dụng hàng loạt chính sách mới, nhằm sớm đứng vào hàng ngũ các quốc gia xuất khẩu hàng hóa giá trị cao. Một số quốc gia khác đã chấp nhận sự thực là phải tạo điều kiện hết sức mới hy vọng

có được thành công tại các ĐKKT²; nhưng với khối lượng tiền vốn đó đã đủ chi phí cho ĐKKT để thành công hay chưa? Không phải mọi ĐKKT trên thế giới đều thành công, Ấn Độ³ và Philippin đã chứng kiến những thí điểm không thành công, mà lý do là đã không đề ra được những quyết sách mang tính đột phá. Đã có một số nước dùng ĐKKT đơn thuần nhằm thu hút đầu tư để tăng độ lớn của nền kinh tế hoặc cô lập hóa số vốn đầu tư này, chỉ để làm ra hàng hóa xuất khẩu. Do đó các ĐKKT đã không có ảnh hưởng lan tỏa tới sự phát triển của khắp cả nước và như thế thì không thể hoàn thành ý tưởng cả nước đều là khu kinh tế đặc biệt nhằm nhanh chóng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Các ĐKKT không phải lúc nào cũng là chìa khóa để mang lại sự thịnh vượng, giàu có. Với hầu hết các quốc gia, phát triển kinh tế là một quá trình lâu dài và đôi khi chứa đựng những rủi ro thể hiện bằng sự bùng nổ tăng trưởng tự do không định hướng và những cuộc khủng hoảng kinh tế vô phương cứu chữa. Trong trường hợp của Trung Quốc, việc đánh giá các chính sách kinh tế mới có đúng đắn hay thất bại cần mất hơn ba thập kỷ tăng trưởng sau này quyết định. Các ĐKKT đã diễn ra qua hai thời kỳ, hiện nay là thời của những ĐKKT không dựa trên các ưu đãi thuế quan, mà dựa trên lợi thế về địa kinh tế cũng như “độ mở” của thể chế... Nếu như chính sách phát triển ĐKKT chỉ tập trung vào ưu đãi thuế quan thì động lực sẽ giảm bớt và doanh thu ngân sách của chính phủ bị tổn hại. Cuộc chạy đua giảm thuế có thể đi quá xa tới mức chính phủ không thể kiểm soát nổi. Hơn nữa, nó có thể hút nhiều hoạt động kinh tế tập trung vào một nơi và lại gây ra vấn đề về bất bình đẳng giữa các vùng, đi ngược lại với mục tiêu của ĐKKT. Theo các chuyên gia kinh tế của IMF, tốt nhất là làm cho mọi người cùng cạnh tranh dựa trên nền tảng chất lượng cơ sở hạ tầng mà họ tạo ra trong ĐKKT cũng

như trên các luật lệ, thể chế được thiết lập nhằm thu hút vốn đầu tư.

Các đặc khu Trung Quốc được thành lập trước đây hơn một phần tư thế kỷ. Bối cảnh kinh tế xã hội ngày nay đã khác đi rất nhiều, những gì là “đột phá” thời đó thì đã trở thành “bình thường” ngày nay. Những gì cho phép Trung Quốc thành công thời đó không thể bảo đảm cho chúng ta thành công ngày hôm nay. Ngay cả khi những gì Trung Quốc thực hiện trước đây đến nay vẫn nguyên giá trị, thì việc thực hiện y nguyên bài học của Trung Quốc cũng chỉ bảo đảm cho các ĐKKT của nước ta ở khoảng cách 25 năm phía sau Trung Quốc. Do đó, bài học quan trọng nhất chính là chúng ta phải có những sáng tạo và đột phá dũng cảm của riêng mình, nếu không muốn mãi mãi đi sau người khác./

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Đề tài khoa học “Nghiên cứu, ứng dụng phát triển khu kinh tế Dung Quất trở thành Đặc khu kinh tế Dung Quất”, Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì thực hiện, nghiệm thu tháng 1-2008.

2. Ví dụ, Các Tiểu vương quốc Ảrập thống nhất đã biến các vùng sa mạc không người ở thành khu công viên công nghệ với các cơ sở hạ tầng mới, bao gồm những đường kết nối với các nguồn năng lượng địa phương cho tới việc đa dạng hóa những cơ sở hạ tầng công nghiệp với nhiều doanh nghiệp về hóa dầu, tài chính và viễn thông. Tương tự vậy, Nga đã mở hơn sáu khu kinh tế đặc biệt mà chỉ riêng tiền đầu tư lúc đầu đã lên tới 1,5 tỷ USD mỗi năm.

3. Ấn Độ đã gặp những rắc rối khi phải làm quen, chấp nhận với các ý tưởng mới liên quan đến ĐKKT cho dù họ đã khởi động việc thành lập khu kinh tế trước Trung Quốc. Ấn Độ đã mang tư tưởng làm ăn kinh tế của cả Ấn Độ vào khu vực này, vì vậy đến thập niên 1970, 1980 dù cho Ấn Độ vẫn có một số ĐKKT trên đất nước, đặc biệt như khu Santa Cruz ở Mumbai nhưng không có một đặc khu nào phát triển lớn mạnh, thành công. Và thậm chí đến nay, dù đã mở thêm nhiều khu kinh tế khá ấn tượng, Ấn Độ vẫn không có một điểm sáng nào tầm cỡ khu vực vì chúng phải tuân theo quy định khắc nghiệt về chế độ lao động đang áp dụng toàn Ấn Độ.